

Bản án số: 462/2024/DS-ST

Ngày: 16-07-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Ông Lại Hữu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 773/2023/TLST-DS ngày 25/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Liêu H**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 15/11/2023 số công chứng 009942, quyền số 11/2023/TP/CC-SCC/HĐGD).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/11/2023, Nguyên đơn ông Liêu H trình bày:

Ngày 28/02/2019, ông Liêu H có cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 1.100.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng). Thời gian mượn là 06 (sáu) tháng. Ông Liêu H đã giao đủ số tiền cho bà L là 1.100.000.000 đồng ngay sau khi bà L ký giấy mượn tiền.

Đồng thời, để tạo lòng tin cho ông H, bà L có giao cho ông H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn K, sinh năm 1968, địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, thửa đất số 675, tờ bản đồ số 59, diện tích 1078,2m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã H, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh và Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp T, xã C huyện M, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 8, diện tích 287,3m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hết thời hạn 06 tháng nhưng bà L chưa trả cho ông H số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) đã mượn dù ông H nhiều lần liên hệ bà L đòi lại, bà L không trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Vì vậy, yêu cầu Toà án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết vụ việc đối với bị đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông H số tiền là 1.716.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 616.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm mười sáu triệu đồng). Trả một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi suất được tính như sau: Tiền lãi suất 1%/tháng, tính trên số tiền là 1.100.000.000 đồng. Mỗi tháng là 11.000.000 đồng. Thời gian tính từ ngày 28/02/2019 đến ngày 14/11/2023 là: 56 tháng x 11.000.000 đồng/tháng = 616.000.000 đồng.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền thì buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung lần 1 ngày 28/11/2023, Đơn khởi kiện bổ sung lần 2 ngày 08/12/2023, nguyên đơn ông Liêu H trình bày:

Ông H có tên thật là Liêu H nhưng tên thường dùng của ông H tại địa phương là “Gia H” nên bà Nguyễn Thị L ghi trong “Giấy mượn tiền” đề ngày 28/02/2019 là “Anh Gia H”. Ông H là người trực tiếp đưa cho bà L mượn số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Thời gian mượn là 06 (sáu) tháng theo Giấy mượn tiền ngày 28/02/2019. Ông H đã giao đủ số tiền cho bà L là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và yêu cầu bà L ký nhận, viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 28/02/2019. Đối với, chữ ký tên Nguyễn Thị L “L” và còn có chữ ký ghi “X” và “Út B”. Bởi vì, tên người đã nhận tiền từ ông H “Gia H” là bà Nguyễn Thị L, tên thường gọi của bà L là “X Út B”. Bởi vì, bà L có mở quán nhậu tên “Út B”. Bà L là “X” cũng có mở quán SAIGON COSY Coffe, tại địa chỉ N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông H gọi bà L là “X Út B”. Khi bà L viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 28/02/2019 có đưa cho ông H Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn K, sinh năm 1968, địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, thửa đất số 675, tờ bản đồ số 59, diện tích 1078,2m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L nói, ông K có quan hệ làm ăn với bà L và cũng đang cần tiền nên ông K đưa cho bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà L đã đưa Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để làm tin và đảm bảo cho việc trả khoản vay nêu trên đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE168916, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 8, diện tích 287,3m², loại đất trồng cây lâu năm,

đất tọa lạc tại Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Bà L nói là bà L đã mua và thanh toán tiền xong. Thực tế, ông T là em ruột của bà L.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên ông H yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết những việc sau đây: 1. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông H số tiền là 1.716.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 616.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Tiền lãi được tính như sau: Lãi suất 1%/tháng, tính trên số tiền là 1.100.000.000 đồng. Mỗi tháng là 11.000.000 đồng. Thời gian tính từ ngày 28/02/2019 đến ngày 14/11/2023 là: 56 tháng x 11.000.000 đồng = 616.000.000 đồng. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền thì buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên. Trả một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung lần 3 ngày 22/4/2024, Biên bản hòa giải và các bản tự khai nguyên đơn ông Liêu H trình bày:

Sau khi vay, mỗi tháng bà L trả cho ông H 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tiền lời. Bà L đã trả được cho ông H 10 tháng tiền lãi thì ngừng cho đến nay. Bà L đóng tiền lãi từ ngày 28/3/2019 đến ngày 27/02/2020 với số tiền là 310.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2020 bà L đóng lãi là 01 tháng là 33.000.000 đồng. Đến tháng 11/2020 ông H và bà L thỏa thuận cản trừ nợ với số tiền là 200.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 900.000.000 đồng; ngày 20/12/2021 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 14/02/2022 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 20/3/2022 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 21/4/2022 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 21/5/2022 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 24/6/2022 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 25/7/2022 đóng lãi là 20.000.000 đồng, ngày 23/8/2022 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 22/10/2022 đóng lãi là 20.000.000 đồng, ngày 22/11/2022 đóng lãi là 20.000.000 đồng, ngày 26/12/2022 đóng tiền lãi là 20.000.000 đồng, ngày 23/02/2023 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 23/3/2023 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 26/4/2023 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 25/5/2023 đóng lãi 20.000.000 đồng, ngày 23/6/2023 trả tiền lãi 20.000.000 đồng. Từ tháng 07 năm 2023 đến nay là bà L không đóng tiền lãi. Tổng số tiền lãi giai đoạn từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/6/2023 là 320.000.000 đồng tiền lãi. Trong sáu tháng từ tháng 27/02/2020 đến 15/8/2020 là bà L có đóng cho ông H là 133.000.000 đồng.

Tổng cộng bà L đã thanh toán cho ông H số tiền là 963.000.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là: 200.000.000 đồng, số tiền lãi là: 763.000.000 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ ông H là 900.000.000 đồng. Vì vậy:

1. Ông H rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền.

2. Yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho ông H số tiền gốc còn lại là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) số tiền gốc, rút yêu cầu buộc bà L trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2024 và ngày 17/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L xác nhận ông Liêu H còn có tên là Gia H, bà L thực hiện các giao dịch với ông Liêu H dưới tên Gia H. Ông Liêu H và ông Gia H là một người.

Ngày 28/02/2019, bà L có vay của ông Liêu H số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) với lãi suất 3%/ tháng. Để đảm bảo khoản vay, bà L có giao cho ông Liêu H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn K (sinh năm 1968, địa chỉ: xã H,

huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre) đứng tên chủ sử dụng.

Hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất 3%/tháng. Mỗi tháng bà L trả cho ông H được 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tiền lãi. Bà L đã trả được cho ông H khoảng hơn 10 tháng tiền lãi thì ngừng cho đến nay. Việc trả lãi này là trả riêng không có ký nhận. Cụ thể:

Từ ngày 28/3/2019 đến ngày 15/8/2020 bà L có trả lãi cho ông Liêu H tổng số tiền là 343.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng). Từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2021 do tình hình dịch bệnh Covid nên bà L đóng cửa không kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan chính quyền. Vì vậy, bà L không có thu nhập để trả lãi vay cho ông H trong thời gian này. Bà L có xin ông Liêu H không tiếp tục trả lãi vay mà chỉ trả gốc vay, ông Liêu H đồng ý với thỏa thuận nêu trên.

Ngày 21/9/2021, bà L có thanh toán số tiền gốc vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho ông Liêu H. Ông Liêu H nhờ ông Ngô Thành T đến nhận số tiền nêu trên. Ngày 21/10/2021, bà L tiếp tục thanh toán cho ông Liêu H tiền gốc vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do ông Ngô Thành T nhận thay. Ngày 21/11/2021 ông Liêu H đồng ý căn nợ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho bà L.

Bà L đã trả cho ông Liêu H số tiền 620.000.000 (sáu trăm hai mươi triệu) đồng là tiền gốc. Đối với số tiền này, bà L trả các lần như sau: Chuyển khoản 320.000.000 đồng, tiền mặt: 100.000.000 đồng. Cán tiền của người anh tên Tám T (thiếu bà L 200.000.000 đồng). Nên ông Tám T chuyển khoản số tiền này cho ông Liêu H.

Bà L xác nhận đã trả cho ông H là tổng cộng số tiền là 963.000.000 đồng. Trong đó số tiền gốc bà L trả là 620.000.000 đồng. Còn lại số tiền 343.000.000 đồng là tiền lãi. Bà L đồng ý trả cho ông H số tiền gốc còn lại là 480.000.000 đồng, với hình thức trả dần hàng tháng mỗi tháng 20.000.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai ngày 21/2/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn K trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc bà L trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, số vào sổ cấp GCN: CH 01153 cho ông K. Ngoài ra không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

1. Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho ông Liêu H số tiền gốc còn lại là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

- Rút yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L trả tiền lãi là 616.000.000 đồng.

- Rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền.

2. Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình: Đồng ý trả cho ông H số tiền gốc còn lại là 480.000.000 đồng, với hình thức trả dần hàng tháng mỗi tháng 20.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu H. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Liêu H số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng.

Buộc ông Liêu H có trách nhiệm trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, số vào sổ cấp GCN: CH01153 cho ông Võ Văn K và trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, số vào sổ cấp GCN: CS04977 cho bà Nguyễn Thị L.

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền 900.000.000 đồng trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền.

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền lãi 616.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Liêu H khởi kiện bà Nguyễn Thị L tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

Đơn khởi kiện ngày 15/11/2023, nguyên đơn có yêu cầu trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền thì buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên. Tuy nhiên, Đơn khởi kiện bổ sung lần 3 ngày 22/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền nêu trên trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh không đưa ông Nguyễn Văn T vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hai bên đương sự đều xác nhận tại giấy vay tiền viết tay ngày 28/9/2019 bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi là X Út B) có vay của ông Liêu H (tên thường gọi là Gia H) số tiền vốn gốc là 900.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Căn cứ sự thừa nhận của hai bên và giấy vay tiền viết tay ngày 28/9/2019 cùng các tài liệu chứng cứ mà hai bên cung cấp xác định bà Nguyễn Thị L có vay của ông Liêu H số

tiền vốn gốc là 900.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà L đều xác nhận bà L đã trả cho ông H số tiền 963.000.000 đồng. Tuy nhiên giữa ông H và bà L có sự mâu thuẫn về tiền gốc và tiền lãi cụ thể: Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000 đồng (do cần trừ nợ việc ông Tám T thiếu tiền của bà L), số tiền lãi là 763.000.000 đồng, còn lại là 900.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn cho rằng đã thanh toán cho ông Liêu H số tiền là 963.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc bà L đã trả cho ông H là 620.000.000 đồng, số tiền lãi là 343.000.000 đồng, số tiền gốc bà L còn nợ ông H là 480.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn không đưa ra được bất kỳ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả tiền gốc và lãi như đã nêu cho phía nguyên đơn, mặt khác đại diện nguyên đơn và nguyên đơn không thừa nhận các tình tiết mà bị đơn đưa ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

Căn cứ Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về lãi, lãi phạt vi phạm.

Điều 9: Xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định như sau:

Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.

Nhận thấy, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 763.000.000 đồng. Hợp đồng giữa hai bên là hợp đồng có lãi suất và có thời hạn theo qui định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng vượt quá qui định của pháp luật, do đó cần phải xác định tiền lãi bà L có nghĩa vụ trả theo quy định của pháp luật, trường hợp số tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn vượt quá quy định pháp luật thì sẽ trừ vào số nợ gốc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định: Lãi suất trong hạn là 20%/năm = 1.67%/tháng = 0.055%/ngày và lãi suất quá hạn là 30%/năm = 0.083%/ngày. Như vậy, số tiền lãi bà L có nghĩa vụ phải trả cho ông H theo quy định của pháp luật là:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019 là: 1.100.000.000 đồng x 6 tháng x 1,67%/tháng = 110.220.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn từ 29/9/2019 đến tháng 01/11/2020 là: 1.100.000.000 đồng x 399 ngày x 0.083%/ngày = 36.575.000 đồng

Vào ngày 01/11/2020, ông H đồng ý trừ 200.000.000 đồng vào số nợ gốc. Vì vậy số tiền nợ gốc bà L còn nợ ông H là 900.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền lãi quá hạn từ ngày 02/11/2020 đến ngày xét xử 16/7/2024 là: 900.000.000 đồng x 1.352 ngày x 0.083%/ngày = 1.014.000.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền lãi bà L có nghĩa vụ phải trả ông H theo quy định của pháp luật là 110.220.000 đồng + 36.575.000 đồng + 1.014.000.000 đồng = 1.160.795.000 đồng. Bà L đã trả tiền lãi cho ông H trước đó là 763.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật thì bà L

còn phải trả cho ông H số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.160.795.000 đồng - 763.000.000 đồng = 397.795.000 đồng. Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu bà L trả số tiền gốc 900.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Liêu H xác định có giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L đưa như sau:

+ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, số vào sổ cấp GCN: CH 01153 đối với phần đất diện tích 1078,2m² thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 59, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 19/5/2011 cho ông Võ Văn K.

+ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, số vào sổ cấp GCN: CS04977 đối với phần đất diện tích 287,3m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 03/11/2016 cho ông Nguyễn Văn T.

Ông Võ Văn K yêu cầu Tòa án buộc ông Liêu H trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, số vào sổ cấp GCN: CH 01153. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có ý kiến đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, số vào sổ cấp GCN: CS04977.

Nhận thấy việc ông H giữ 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là làm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T đồng thời vi phạm quy định tại Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó buộc ông Liêu H trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, số vào sổ cấp GCN: CH 01153 cho ông Võ Văn K. Buộc ông Liêu H trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, số vào sổ cấp GCN: CS04977 cho bà Nguyễn Thị L do bà L giao bản chính giấy chứng nhận này cho ông H. Ông Nguyễn Văn T có quyền khởi kiện đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà L bằng một vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn: *“Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*.

Đối với việc bị đơn xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy bà L nợ ông H số tiền trên đã lâu, nên việc xin trả dần làm kéo dài thời gian trả nợ sẽ gây thiệt hại cho phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu trên trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền. Và rút yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị L trả tiền lãi là 616.000.000 (Sáu trăm mười sáu triệu) đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 900.000.000 đồng.

[6]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về lãi, lãi phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu H (tên thường gọi là Gia Hưng) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn là bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi là Xuân Út Bông); Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu H số tiền gốc còn lại là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng;

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Võ Văn K và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu trên trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả tiền.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị L trả tiền lãi là 616.000.000 (sáu trăm mười sáu triệu) đồng.

4. Buộc ông Liêu H có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 774360, thửa đất số 675, tờ bản đồ số 59, diện tích 1078,2m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, Thành

phố Hồ Chí Minh cho ông Võ Văn K và trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 168916, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 8, diện tích 287,3m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị L.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Liêu H số tiền tạm ứng án phí 32.140.000 (Ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng mà ông Liêu H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020965 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền